

PHỤ LỤC SỐ 04

APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

CÔNG TY CP THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN

Năm báo cáo/Year:2019

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: CÔNG TY CP THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 0300542187
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 190.214.990.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 190.214.990.000 VND
- Địa chỉ/ *Address*: 352 Trường sa, Phường 02, Phú Nhuận, Tp HCM
- Số điện thoại/ *Telephone*: 028 35517888
- Số fax/ *Fax*: 028 3551 2427
- *Website*: saigonmachinco.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: SMA

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Tiền thân là Công ty Thiết bị Phụ tùng TP. Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà Nước có bề dày lịch sử hơn 40 năm hoạt động trong ngành Vật tư Thiết bị Phụ tùng. Từ ban vật tư Trung ương cục Miền Nam trước năm 1975 đến sau ngày đất nước Thống nhất, Công ty Thiết bị Miền Nam được hình thành trực thuộc Tổng Cục vật tư Miền Nam, trụ sở tại Số 08 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM; 1985 là Công ty Thiết bị Phụ tùng TP Hồ Chí Minh – Bộ Vật tư, rồi Bộ Thương Mại, nay là Bộ Công Thương.
- Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: từ ngày 01/03/2005.

- Niêm yết: Đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 19/10/2010.
- Đã chuyển đổi 80,6 tỷ đồng trái phiếu sang cổ phiếu và niêm yết trên sàn chứng khoán vào ngày 30/08/2012; tăng vốn điều lệ từ 80,6 tỷ đồng lên 161,2 tỷ đồng.
- Đã thanh toán cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 18% và niêm yết trên sàn chứng khoán vào ngày 20/9/2018; tăng vốn điều lệ từ 161,2 tỷ đồng lên 190,214 tỷ đồng
 - *Các sự kiện khác*: Ngày 01/10/2011 đã chính thức phát điện thương mại Nhà máy Thủy điện Đak Glun – tỉnh Bình Phước, công suất 18MW, tổng mức đầu tư đã kiểm toán hoàn thành là 626 tỷ đồng (bao gồm VAT).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

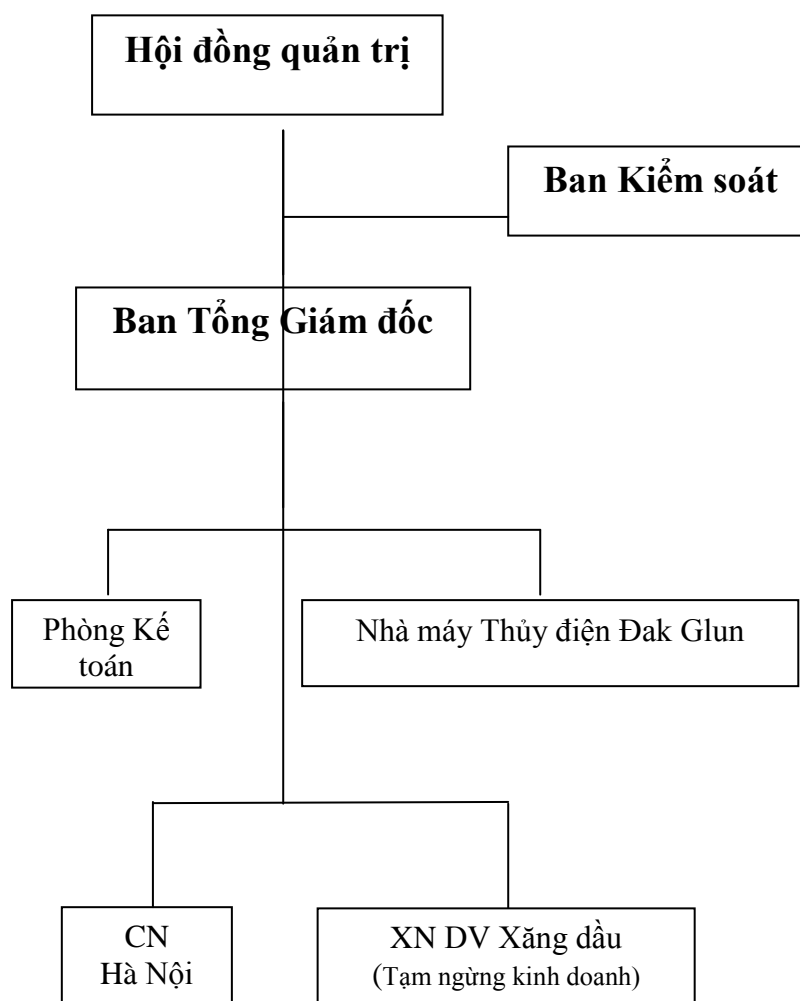
Ngành nghề kinh doanh: Mua bán các loại phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, thiết bị bưu chính viễn thông, nguyên liệu vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng như Điện tử - phân bón - kim loại màu – hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ tùng, linh kiện đồng bộ phục vụ sản xuất và phục vụ bảo dưỡng – sửa chữa, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ composite, hàng điện lạnh, Nông - lâm - thủy hải sản, đồ gỗ, hàng may mặc. Kinh doanh nhà hàng và lưu trú du lịch: khách sạn. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, môi giới vận tải. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, máy móc thiết bị. Mua bán ô tô, xe máy, tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp, vật liệu xây dựng. San lấp mặt bằng. Tháo dỡ công trình. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Tư vấn xây dựng. Tư vấn đầu tư. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý vé máy bay - ô tô - tàu hỏa. Chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất hàng may mặc. Mua bán vật tư, trang thiết bị y tế. Kinh doanh nhà ở. Mua bán mỹ phẩm. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở, cao ốc, văn phòng cho thuê. Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, khu du lịch. Mua bán phế liệu. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất đá mài, đá cắt (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không hoạt động tại trụ sở). Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; trồng cây hồ tiêu, trồng cây cao su.

2.2 Địa bàn kinh doanh: (Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính)

- + 352 Trường Sa, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TPHCM
- + Phòng 311-18T1 Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- + Thôn 5, Xã Đường 10, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*). Không có

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*: Trước mắt Công ty phải tiếp tục duy trì ổn định và phát triển hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chiến lược hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2020 - 2022 của Công ty phù hợp với tình hình mới. Đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc bộ máy, tái cấu trúc vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm 2019. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

- Doanh thu : 126.547.418.204 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 18.200.386.186 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 14.486.032.523 đồng
- Tổng giá trị tài sản : 480.823.386.279 đồng
- Vốn điều lệ : 190.214.990.000 đồng
- Tiền lương bình quân : 9.000.000 đồng/người/tháng

Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

- Tổng doanh thu thực hiện đạt : 63.27 % so với kế hoạch doanh thu 200.000.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt : 93.35% so với kế hoạch lợi nhuận 15.517.199.200 đồng

1. Những thay đổi chủ yếu trong năm: không có

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

2.1 Ông Trần Đức Phú – CT Hội đồng quản trị: Sinh năm 1965, cử nhân Đại học Dệt Matxcova, gắn bó với Công ty từ năm 1998, năm 2005 đến năm 2012 là Phó Tổng giám đốc Công ty. Hiện tại, ông Phú nắm giữ 81.610 cổ phần chiếm 0,5 % tổng số cổ phần Công ty

2.2 Ông Nguyễn Đình Hiền Tổng Giám Đốc Công ty: Sinh năm 1962, Kỹ sư Đại học Bách khoa - Ngành hóa Công nghiệp, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty từ tháng 03 năm 2005 đến nay. Hiện tại, Ông đang nắm giữ 1.481.220 cổ phần chiếm 9,19 % tổng số cổ phần của Công ty, ngoài ra Ông đại diện sở hữu Vốn nhà nước là 409.200 chiếm 2.54%.

2.3 Ông Nguyễn Công Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị: Sinh năm 1978, cử nhân ĐH. Từ năm 2015 -2017 giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần MHC, từ 2017-2018 giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần MHC và từ từ name 2016 đến giữ chức TV HĐQT Công ty cổ phần cao su Sao Vàng.

2.4 Bà Lê Thị Phương Mai – Thành viên Hội đồng Quản trị: Sinh năm 1958, cử nhân Đại học Tài chính Kế toán, là Phó Tổng Giám Đốc từ tháng 03/2005 đến năm 2015. Hiện tại, Bà Mai giám sát việc sử dụng vốn đầu tư, cân đối tài chính. Bà Mai đang nắm giữ 284.000 Cổ phần chiếm 1.76% tổng số cổ phần của Công ty.

2.5 Ông Nguyễn Văn Hạnh – Thành viên hội đồng quản trị

2.6 Bà Đoàn Thị Kim Khánh – Kế toán trưởng: Sinh năm 1967; cử nhân Đại học Tài chính kế toán.

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*): Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Số lượng cán bộ, nhân viên: 26 người; Người lao động được trả lương và tiền ăn trưa đầy đủ, đúng hạn hàng tháng. Công ty đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp đầy đủ cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:* Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major*

projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.: không có

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

Các khoản đầu tư lớn: năm 2019 Công ty không có khoản đầu tư lớn

Các công ty con, công ty liên kết: Chưa có

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*:

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	414,467,870,009	126,547,418,204	-69.47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	25,776,075,939	18,200,386,186	-29.39%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	68,443,336	224,678,762	228.27%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	25,844,519,275	18,200,386,186	-29.58%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	20,645,215,419	14,486,032,523	-29.83%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	514,312,019,944	480,823,386,279	-6.51%
Doanh thu/ <i>Revenue</i>	414,467,870,009	126,547,418,204	-69.47%
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>	5,768,361,820	4,152,820,249	-28.01%

- Chỉ tiêu khác: Thu nhập bình quân người lao động: 9.000.000 đồng/người/tháng

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	0.72	0.54	-25%
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> :			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> (Short term Asset - Inventories)	0.94	0.50	-47%
Nợ ngắn hạn (Short term Deb)			

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.58	0.54	-6%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	1.39	1.20	-14%

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> :			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	28	7	-75%
Hàng tồn kho bình quân (<i>Average inventory</i>)	13,043,201,782	3,214,640,325	-75%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0.26	0.26319	0.00%

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0.05	0.11	-230%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0.0958	0.0662	-69%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0.04	0.0301	-75%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrote the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

+ Tổng cổ phần: 190.214.990.000 cổ phần.

+ Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:
0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*)

.Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Trị giá	Tỷ lệ
				(đồng)	sở hữu
1	Cá nhân trong nước	300	13,637,549	136,375,490,000	71.70%
2	Tổ chức trong nước	15	5,343,804	53,438,040,000	28.09%
3	Tổ chức nước ngoài	3	3,784	37,840,000	0.02%
4	Cá nhân nước ngoài	5	36,362	363,620,000	0.19%
Tổng cộng		323	19,021,499	190,214,990,000	100%

+ Cổ đông lớn (chiếm tỷ lệ trên 5% vốn điều lệ)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP	Tỷ lệ
1	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư VSD	Thửa đất số 52, khu Thượng (Thuê cty Ngôi Sao Xanh), Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Việt Nam	4,647,615	24.4335%
2	Đào Thị Hải Yến	Tầng 8, tòa nhà Plaschem, 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.	Việt Nam	2,143,918	11.2710%

+ Cổ đông góp vốn Nhà nước

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Tổng Cty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	09 Phan Huy Chú – Hoàn Kiếm Hà Nội	106000767	18/10/2006	Sở KH & Đầu tư Hà Nội	482.856	2.54%

+ Cổ đông / Thành viên góp vốn nước ngoài

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Quốc tịch	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	JI DONGHYUN	1702 - 2B, 103 Dong, Samick bench, Apt, Namcheon2 dong, Suyounggu, Busan	Republic of Korea	30,920	0.1626%
2	KATO TAKANORI	36 Kamimizunocyo Setoshi Aichi, Japan	Japan	110	0.0006%
3	TAKAKI SATOSHI	No. 1004 in Hoa Binh Green Tower, No. 376 Bui Street, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam	Japan	2,510	0.0132%
4	WU, PING - HSIU	NO 230, HENAN RD., LINGYA DIST., KAOHSIUNG CITY 802., TAIWAN - R.O.C	Taiwan	2,586	0.0136%
5	Yamazaki Atsushi	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	Japan	236	0.0012%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Tầng 3, 180 -192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM	Vietnam	9	0.0000%
7	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	Japan	3,710	0.0195%
8	SHINHAN INVESTMENT CORP.	23-2, Yoido-Dong, Youngdeungpo-Gu, Seoul, 150-712, Korea	Republic of Korea	65	0.0003%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.* : không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Không

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance: Không*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: không có*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: không có*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly*.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy*.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used: Công ty cấp nước Gia Định & Công ty cấp nước Chợ Lớn, lượng nước sử dụng 240 m³ /năm*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused: không có*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: không có*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers: 26 người, lương bình quân: 9.000.000đ/ tháng*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers: khám sức khỏe định kỳ*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development: Đào tạo kỹ năng vận hành cho nhân viên nhà máy thủy điện Đăkglun*

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service: ủng hộ lũ lụt,*

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3*

are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Năm 2019, kinh tế Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc trở lại. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất thương mại của Công ty chưa có biến chuyển, vẫn gặp nhiều khó khăn do thị trường cạnh tranh gay gắt; gánh nặng lãi vay khiến công ty chưa thể thực hiện một số chiến lược cạnh tranh.

- Hoạt động sản xuất điện: do thời tiết hạn hán sản lượng điện năm 2019 giảm nhiều so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*

- Tình hình tài sản: Đến ngày 31/12/2019, toàn bộ tài sản của Công ty bao gồm: tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định... đang hoạt động và luân chuyển bình thường. Riêng hàng tồn kho đã bán được lượng lớn và thu hồi được nhiều khoản công nợ.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Tình hình nợ phải trả, biến động lớn về các khoản nợ: Hiện tại các khoản nợ phải trả của Công ty chủ yếu là vay ngân hàng, và các khoản công nợ phải trả người bán hầu như không còn phát sinh vì hoạt động kinh doanh thương mại đang ì trệ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

Hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty. Xây dựng chế độ tiền lương tích cực. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần CBNV. Đoàn kết nội bộ cùng quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chung. Bộ máy điều hành gọn nhẹ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Trước mắt Công ty phải tiếp tục duy trì ổn định và phát triển hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. Hiện tại, Công ty đang ưu tiên trả nợ ngân hàng để giảm áp lực chi phí lãi vay.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chiến lược hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2020 - 2022 của Công ty phù hợp với tình hình mới. Đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc bộ máy, tái cấu trúc vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).: Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- Năm 2019, hoạt động sản xuất thương mại của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn thách thức do thị trường cạnh tranh gay gắt, tỷ lệ nợ cao cùng với gánh nặng lãi vay ảnh hưởng không tốt đến dòng tiền Công ty. Hội đồng quản trị đã thực hiện rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác định hướng chỉ đạo quản lý Công ty theo đúng quy định của Pháp luật Nhà nước, Điều lệ, Quy chế

của Công ty và Nghị Quyết của Đại hội cổ đông đề ra, đảm bảo cân đối lợi ích của người lao động và cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp nhiều lần để quyết định các vấn đề quan trọng, cấp bách của Công ty. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra sát sao tình hình hoạt động kinh doanh Đơn vị, chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu chiến lược. Từng thành viên đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị được phân công.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Tổng Giám đốc đã thực sự nỗ lực trong quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của HĐQT, đã bám sát tình hình thực tế Công ty và kịp thời xử lý tốt công việc được giao.

- Sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả cùng với việc xây dựng mức tiền lương hợp lý. Thực hiện tốt các quy định thưởng phạt để tạo động lực làm việc cho CBCNV.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors: HĐQT Công ty nhận định năm 2019 vẫn tiếp tục khó khăn thách thức nên xác định một số định hướng chủ yếu:*

- Nỗ lực giảm tình hình công nợ, giảm áp lực chi phí lãi vay để đưa Công ty đi vào ổn định, tích cực tìm kiếm cơ hội phát triển và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro để hoạt động an toàn và hiệu quả...

- Đảm bảo mức lương phù hợp cho người lao động, nhằm ổn định và nâng cao cuộc sống.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tổng số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu %
1	Trần Đức Phú	Chủ tịch HĐQT	96.299	0.50%
2	Nguyễn Đình Hiền	Thành viên HĐQT	47.839	0.25%
3	Lê Thị Phương Mai	Thành viên HĐQT	355.120	1,76 %
4	Nguyễn Văn Hạnh	Thành viên HĐQT	0	0 %
5	Nguyễn Công Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị: Năm 2019 có các cuộc họp cụ thể như sau:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	01/2019/CT-HĐQT	13/03/2019	Chốt danh sách Đại hội cổ đông năm 2019 và tạm ứng cổ tức 2018 tỷ lệ 2%
2	02/2019/CT-HĐQT	13/03/2019	Giải thể XN xây lắp thương mại công nghiệp
3	03/2019CT-HĐQT	13/03/2019	Tổ chức đại hội cổ đông năm 2019
4	04/2019CT-HĐQT	15/08/2019	Hoàn nhập kết quả HĐSX kinh doanh năm 2019
5	05/2019CT-HĐQT	15/08/2019	Giảm trừ tài khoản 414 niên khóa tài chính năm 2019

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*): không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*: không có

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng BKS	26/06/2015	3	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Hưng	Thành viên	29/06/2018	3	100%	
3	Ông Lý Việt Hưng	Thành viên	26/06/2015	3	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

STT	HDQT& Ban KS	Chức danh	Phụ cấp (đồng)/năm
01	Trần Đức Phú	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
02	Nguyễn Công Tuấn	Thành viên HĐQT (8 tháng)	16.000.000
03	Nguyễn Văn Hạnh	Thành viên HĐQT	24.000.000
04	Nguyễn Đình Hiền	Thành viên HĐQT	24.000.000
05	Lê Thị Phương Mai	Thành viên HĐQT	24.000.000
06	Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban KS	24.000.000
07	Nguyễn Hữu Hưng	Thành viên BKS	12.000.000
08	Lý Việt Hưng	Thành viên BKS	12.000.000
Tổng cộng			172.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Trần Đức Phú	CT HĐQT	99.299		560.895	2.95%	Tăng mua
2	Nguyễn Đình Hiền	Tổng GD	1.747.839	9.19%	47.839	0.25%	Giảm bán
3	Công ty CP TM và ĐT Vinataba				2.853.225	15%	Tăng mua
4	Đào Thị Hải Yến				2143.918	11.27%	Tăng mua
5	Công ty CP ĐT VSD				4.647.615	24.43%	Tăng mua
6	Công ty CP TM và ĐT Vinataba	2.853.225			0	0	Giảm bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights: không có*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*): không có

Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
01	Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban	34.833	0.183 %
02	Nguyễn Hữu Hưng	Thành viên	28.584	0,15%
03	Lý Việt Hưng	Thành viên	0	0 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Trong năm 2019, Ban kiểm soát của Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát, tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện tuân thủ các Quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể là:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, kiểm tra và giám sát các việc triển khai các Nghị Quyết của Đại hội cổ đông đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.

- Kịp thời tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách cho người lao động.

- Kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, năm nhằm đánh giá tình hình trung thực hợp lý các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp các đơn vị kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng đến những sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.

- Kiểm soát việc tuân thủ những công bố thông tin của Công ty theo quy định và công bố thông tin đối với công ty cổ phần.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có gì sai sót.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. *Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions*: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn tại ngày 31/12/2019, cũng

như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Vui lòng truy cập vào website Công ty saigonmachinco.com và tải Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 trong mục tin tức với đường dẫn đính kèm như sau: <https://saigonmachinco.com/bao-cao-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2019/>

CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ PHỤ TÙNG
SÀI GÒN
Q. PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH



Chủ Tịch HĐQT
Trần Đức Phú